

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chiến lược);

Căn cứ Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 03/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung của Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược. Khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, bản sắc văn hóa, tri thức bản địa, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng nông thôn văn minh, có hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại; bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp, an ninh trật tự được giữ vững; phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng, phù hợp với từng vùng miền, gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; tập trung xây dựng nông thôn mới cấp thôn bản ở những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động, tích cực triển khai Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao. Việc triển khai thực hiện

các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, giám sát, báo cáo, đánh giá tiến độ thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đảm bảo an toàn, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh như: lúa gạo, cao su, sản nguyên liệu, gỗ rừng trồng, gia súc, gia cầm, hải sản, dược liệu...; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh trên thị trường, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản; nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng đời sống cho người dân nông thôn, nhất là lao động trực tiếp làm nông nghiệp, giảm tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn.

Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 tăng bình quân từ 3,5 - 4%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 - 6%/năm.
- Cơ cấu nông lâm ngư nghiệp chiếm 13% GRDP toàn tỉnh. Cơ cấu kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đến năm 2030: Nông nghiệp 59,5%, lâm nghiệp 8,2%, thủy sản 32,3%.
- Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đến năm 2030 đạt 150 triệu đồng/ha.
- Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt bình quân 3,5%/năm.
- Nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2030 cao hơn 2,5 - 3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1-2%/năm trở lên.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 75%.
- Có ít nhất 03 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó phần đầu có ít nhất 01 huyện NTM nâng cao; trên 90% số xã được công nhận đạt chuẩn NTM (hơn 116 xã), trong đó có 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao.
- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, phần đầu giảm phát thải khí

nhà kính. Ổn định tỷ lệ che phủ rừng ở mức 68%, diện tích rừng trồng sản xuất có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 10.000 ha.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phấn đấu đến năm 2050, nông nghiệp của tỉnh Quảng Bình là nền nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao (100% vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực được cấp chứng nhận an toàn, hữu cơ và sản xuất theo chuỗi giá trị), là một trong những trọng điểm và phát triển công nghiệp chế biến (chế biến sâu, chế biến công nghệ cao), bảo quản, cung ứng và xuất khẩu nông sản của khu vực Bắc Trung Bộ. Hình thành được những vùng trọng điểm về phát triển du lịch nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cho ngành. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành “nơi đáng sống”, văn minh, xanh, sạch đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường

1.1. Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực: Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của từng vùng, địa phương theo nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm OCOP, cụ thể:

a) *Nhóm sản phẩm cấp tỉnh*: Định hướng phát triển các nhóm sản phẩm chủ yếu như sau:

- Sản xuất lúa: Giữ ổn định diện tích đất lúa, đặc biệt là đất sản xuất lúa 2 vụ. Quản lý nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa 2 vụ để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1446/KH-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia đến năm 2030. Mở rộng diện tích giống chất lượng cao chiếm 70 - 75% diện tích gieo trồng, nâng tỷ lệ giống ngắn, cực ngắn ngày; đẩy mạnh chuyển đổi linh hoạt 2.200ha đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng, đối tượng khác có giá trị kinh tế cao hơn; phát triển sản xuất gạo hữu cơ và đa dạng các sản phẩm chế biến từ gạo và phụ phẩm của lúa gạo để tăng giá trị gia tăng.

- Cây ngô: Mở rộng diện tích trên chân đất phù hợp, chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng ngô và nâng cao tỷ lệ sử dụng các giống cao sản.

- Cây lạc: Mở rộng diện tích trồng lạc, xây dựng vùng nguyên liệu ổn định đảm bảo đáp ứng cho các nhà máy, cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh. Nâng tỷ lệ giống năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh; đẩy mạnh áp dụng các biện pháp thâm canh.

- Sản nguyên liệu: Ổn định diện tích 6.300 - 6.500ha (kết hợp trồng thuần và trồng xen), thực hiện nghiêm quy trình canh tác bền vững, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ sắn (tinh bột, phụ phẩm sản xuất thức ăn chăn nuôi và nhiên liệu sinh học).

- Rau các loại: Đa dạng cơ cấu các loại rau, quả, nhất là rau quả có lợi thế và

thị trường tiêu thụ tốt, với diện tích 6.000 ha (trong đó có khoảng 100 ha sản xuất công nghệ cao).

- Cây cao su: Duy trì diện tích hiện có từ 8.000 - 10.000 ha, tập trung ở vùng ít bị ảnh hưởng của gió bão; tiếp tục chuyển đổi diện tích cao su kém hiệu quả sang cây trồng, đối tượng khác có hiệu quả cao hơn (trong đó dành quỹ đất 300ha tập trung để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao), phấn đấu đến năm 2030 xây dựng 3-5 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở các địa phương có tiềm năng, lợi thế.

- Hồ tiêu: Tăng diện tích hồ tiêu trồng xen, xây dựng vùng sản xuất hồ tiêu tập trung, an toàn và chất lượng, gắn với đầu tư các cơ sở chế biến, phấn đấu diện tích trồng hồ tiêu ổn định 1.500 ha.

- Chăn nuôi bò: Tập trung đẩy mạnh phát triển cả số lượng, chất lượng theo hướng Zebu hóa và bò lai hướng thịt chất lượng cao. Chuyển đổi một số diện tích đất trồng cây kém hiệu quả sang trồng cỏ, kết hợp sử dụng các phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi bò. Phấn đấu đến năm 2030, tổng đàn bò đạt 120.000 con, trong đó tỷ lệ bò lai 70-75% tổng đàn, sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 11.000 tấn.

- Chăn nuôi lợn: Phát triển đàn lợn ở quy mô hợp lý, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn theo hướng trang trại, công nghiệp với các giống lợn ngoại có năng suất, chất lượng cao ở những nơi có điều kiện về đất đai. Khuyến khích, tạo điều kiện hình thành cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, hình thành vùng chăn nuôi tập trung gắn với chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời phát triển chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, truyền thống với các giống lợn bản địa, lợn lai giữa giống lợn ngoại và bản địa. Phấn đấu đến năm 2030, tổng đàn lợn đạt 370.000 con, trong đó lợn nái 40.000 con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 48.000 tấn.

- Chăn nuôi gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm cả về số lượng và chất lượng, tăng tỉ trọng đàn gia cầm trong cơ cấu đàn vật nuôi. Phát triển chăn nuôi gà thả vườn ở các vùng gò đồi, vùng cát ven biển theo mô hình kết hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất. Xây dựng và phát triển các cơ sở sản xuất giống gia cầm để chủ động nguồn giống trong tỉnh. Đến năm 2030, tổng đàn gia cầm đạt 5,5 triệu con, trong đó, đàn gà 3,5 triệu con, đàn thủy cầm 1,5 triệu con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 24.500 tấn, sản lượng trứng: 150 triệu quả.

- Tôm: Phát triển tôm nuôi ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học; áp dụng công nghệ nuôi tôm tiên tiến, quy trình nuôi tôm bền vững, VietGAP, tiến tới áp dụng nuôi có trách nhiệm (CoC), phấn đấu đến năm 2030 diện tích tôm nuôi đạt trên 1.450 ha, sản lượng 6.500 tấn; tăng cường chế biến sâu, đa dạng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Gõ, sản phẩm từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ: Tập trung phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ; phấn đấu sản

lượng nguyên liệu gỗ rừng trồng bình quân 500.000m³/năm. Tiếp tục kêu gọi hoàn thiện các nhà máy chế biến gỗ tinh, sâu gắn với các vùng trồng rừng tập trung.

b) Nhóm sản phẩm OCOP

Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế nhằm phát huy bản sắc, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo và niềm tự hào của người dân, thúc đẩy tổ chức và đảm bảo giá trị của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới. Cụ thể:

- Nhóm thực phẩm (các sản phẩm rau sạch hữu cơ, sản phẩm chế biến từ nông sản như lúa gạo, lạc, tiêu, mật ong, thịt gà... các sản phẩm chế biến từ thủy sản (nước mắm, hải sản khô...)

- Nhóm đồ uống: Các sản phẩm đồ uống có cồn (rượu trắng, rượu chưng cất, rượu sâm Bó Chính).

- Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu: Cà gai leo, nấm linh chi, tinh dầu sả, dầu tràm...

- Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ: Các sản phẩm từ gỗ, sợi, mây tre làm đồ nội thất - trang trí.

- Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch (gồm các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch, giải trí,...)

Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP Quảng Bình.

1.2. Định hướng theo lĩnh vực

a) Trồng trọt

Cơ cấu lại trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, tăng tỷ trọng rau các loại nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đổi mới chính sách quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả; chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao hơn; bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất chuyên trồng lúa. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, an toàn sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu. Áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vô cơ; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, sinh học.

b) Chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, phương thức công nghiệp; áp dụng các quy trình công nghệ hiện đại, chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học, đảm bảo an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đổi xử nhân đạo với vật nuôi; nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, nông hộ thân thiện với môi trường.

Phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái để phát triển chăn nuôi toàn diện, hiệu quả, bền vững gắn với phát triển các chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; kêu gọi, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển chăn nuôi, phấn đấu tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đến năm 2030 đạt trên 56%.

c) Thủy sản

Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển, hải đảo. Tăng cường khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở trữ lượng nguồn lợi thủy sản; tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, ven bờ và khai thác nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái; khuyến khích, hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề khai thác có chọn lọc; du nhập và chuyển giao các công nghệ khai thác, bảo quản chế biến thủy sản mới phù hợp nhằm giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch; xây dựng các khu bảo vệ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản do cộng đồng quản lý; tổ chức giao mặt nước vùng biển ven bờ cho Tổ quản lý cộng đồng để khai thác, nuôi trồng thủy sản. Kiên quyết khắc phục tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ nghề cá.

Nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng thủy sản chủ lực trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý chặt chẽ giống, phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh nuôi biển, tập trung vào các đối tượng có giá trị kinh tế cao; triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình quản lý cộng đồng trong nuôi trồng thủy sản.

d) Lâm nghiệp

Bảo vệ, phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng đặc dụng theo hướng nâng cao chất lượng rừng, giá trị đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen gắn với phát triển du lịch sinh thái; quản lý, bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, khai thác và sử dụng có hiệu quả diện tích rừng sản xuất, chú trọng phát triển rừng ven biển. rà soát, chuyển diện tích đất lâm nghiệp trên thực tế không có rừng sang đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản kết hợp với sản xuất lâm nghiệp phù hợp với quy hoạch. Triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; xây dựng phương án quản lý rừng trồng bền vững và đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) cho rừng trồng; triển khai các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng từ nguồn chuyển nhượng tín chỉ các bon do Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Trung ương điều phối.

Tăng cường ứng dụng các giống cây trồng chất lượng cao vào sản xuất, nhất là các giống được sản xuất từ cây mô, hom để trồng rừng, phấn đấu ít nhất 90% diện tích rừng được trồng từ giống cây lâm nghiệp được công nhận. Phấn đấu đến năm 2030 diện tích rừng trồng gỗ lớn đạt trên 16.000 ha và cấp chứng chỉ FSC cho trên 10.000 ha rừng trồng; đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi trường rừng; bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển du lịch sinh thái.

2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững

- Phát triển mạnh sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển nguồn gen, giống bản địa có giá trị cao. Tăng cường công tác quản lý giống, tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

- Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp; quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất an toàn, đẩy mạnh sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường vật tư nông nghiệp. Đẩy mạnh sử dụng sản phẩm nông nghiệp trong nước, phụ phẩm chế biến để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, phân bón hữu cơ... để giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng cho các dự án nông nghiệp theo hướng hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực. Khuyến khích đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao.

- Triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng, phân đầu xây dựng từ 2 đến 3 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở các địa phương có tiềm năng, lợi thế như Tây Bắc Đồng Hới, Tây Nam Bộ Trạch, Bắc Quảng Bình... và thu hút các doanh nghiệp, các hợp tác xã đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tạo nên tảng khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác, liên kết, đề xuất, xây dựng danh mục đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

3. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến; phát triển thị trường đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản

Đẩy mạnh phát triển các hình thức kinh tế tập thể, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp để hình thành các chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm gắn với các vùng chuyên canh hàng hóa. Phân đầu 100% sản phẩm sản xuất theo chuỗi được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, GACP, hữu cơ... được quản lý bằng hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản an toàn.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như sản xuất hữu cơ, liên kết sản xuất, công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp du lịch, các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, mỹ phẩm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

4. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

- Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, tiếp tục phát triển hệ thống cơ sở chế biến trong sản xuất nông nghiệp, kho bảo

quản nông sản. Tập trung phát triển một số lĩnh vực dựa trên tiềm năng nguồn nguyên liệu của tỉnh để thu hút lao động và phát triển khu vực kinh tế nông thôn. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung các chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, trong đó tập trung bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề đã có, phát triển các nghề mới ở khu vực nông thôn; phát triển ngành nghề nông thôn gắn với phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP để đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường; triển khai đầu tư một số mô hình điểm về phát triển ngành nghề nông thôn có lợi thế của tỉnh, xây dựng Chương trình bảo tồn làng nghề gắn với Chương trình OCOP và du lịch.

- Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tổ chức đánh giá, phân hạng thêm 65-70 sản phẩm, trong đó phấn đấu có 1-3 sản phẩm đạt 5 sao, 3 - 5 sản phẩm đạt 4 sao; 45 - 50 sản phẩm đạt 3 sao. Cùng cố ít nhất 60 tổ chức kinh tế sản xuất, kinh doanh sản phẩm thế mạnh hiện có của các địa phương và phát triển mới các tổ chức kinh tế tham gia chương trình OCOP.

- Nâng cao hiệu quả, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế, trang trại và kinh tế hợp tác. Khuyến khích, có chính sách hỗ trợ để nông dân tại các vùng chuyên canh tham gia các chương trình đào tạo có chứng chỉ để sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường (nông nghiệp cảnh quan, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao,...).

- Tăng cường đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng cho 30.000 lao động nông thôn về nâng cao năng lực cho các hợp tác xã nông nghiệp, lao động trong các vùng nguyên liệu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Trình độ đào tạo độ sơ cấp nghề khoảng 40% và 60% là đào tạo thường xuyên. Tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với việc thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển của ngành.

5. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, tránh dàn trải, lãng phí, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, đảm bảo bền vững. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Xây dựng

nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề.

Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP).

6. Phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

- Lấy người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường,...). Xây dựng các chính sách phúc lợi xã hội công bằng cho người dân nông thôn; hướng tới bình đẳng giới. Chủ động phòng, chống rủi ro, bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng, khu kinh tế - quốc phòng, vùng thiên tai...

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các huyện, xã có tỉ lệ hộ nghèo cao. Tiếp tục thực hiện sản xuất nông nghiệp phục vụ an sinh để hỗ trợ đảm bảo ổn định đời sống các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; thực hiện lồng ghép vào các Chương trình mục tiêu Quốc gia (giảm nghèo bền vững, nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi).

7. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp

- Củng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn (thôn bản, dòng họ...) để chủ động phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên. Hỗ trợ, phát huy vai trò của cộng đồng và người dân trong việc bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, đấu tranh đẩy lùi hủ tục, văn hóa ngoại lai, không phù hợp, thiết thực phát huy các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng, quy ước, hương ước, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm tạo động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực nhân dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, quản lý và bảo vệ rừng, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở. Có chính sách và ưu tiên dành nguồn lực tạo điều kiện thuận lợi đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn ở tất cả các cấp (nhất là ở cấp cơ sở), một cách chính quy với các chương trình và hình thức phù hợp.

8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

- Phát triển cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân.

Quản lý, bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng hiện có của tỉnh; trong đó tập trung bảo vệ hiệu quả diện tích rừng tự nhiên; nâng cao diện tích, chất lượng rừng tự nhiên thông qua công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng, tạo nền tảng cơ bản cho việc phục hồi môi trường sinh thái rừng tự nhiên góp phần bảo tồn và nâng cao đa dạng sinh học. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt trên 68%. Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, giảm số vụ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại.

- Từng bước giảm dần sức ép của phát triển kinh tế - xã hội với môi trường bằng các giải pháp như: chấm dứt lạm dụng hóa chất, nguyên vật liệu tổng hợp, khó phân hủy; tạo điều kiện tái tạo các nguồn tài nguyên cơ bản như đất, nước, năng lượng (sản xuất năng lượng tái tạo, tích lũy nước mưa, xử lý rác thải ở quy mô hộ, quy mô cơ sở sản xuất,...); đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản để chủ động xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn. Thường xuyên khảo sát, đánh giá trữ lượng tài nguyên sinh học trên biển để điều tiết năng lực đánh bắt; xác định các giải pháp điều tiết xâm nhập mặn ở cửa sông, cửa biển theo nguyên tắc “Không hồi tiếc” để duy trì cân đối sinh thái sông - biển, đảm bảo khả năng tái tạo đa dạng sinh học và duy trì năng lực tự làm sạch ô nhiễm của tự nhiên.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường, thực hiện giảm phát thải khí carbon, cam kết thực hiện Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu tại Hội nghị COP26. Chủ động thích ứng biến đổi khí hậu bằng áp dụng các biện pháp canh tác nông nghiệp bền vững nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất. Thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, đảm bảo phát triển bền vững. Tăng cường sử dụng nguyên liệu vi sinh, hữu cơ, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, giảm phát thải cacbon. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu bằng các biện pháp canh tác thích nghi, tiếp tục chọn tạo các loại giống cây trồng có khả năng thích nghi với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng chống thiên tai, sử dụng đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phi công trình và công trình; tăng cường xây dựng, cải tạo các công trình thủy lợi phục vụ tưới, chống hạn mùa khô.

9. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng công nghệ cao, blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng các mô hình làng thông minh, làng nông thôn ứng dụng công nghệ số.

- Xây dựng phương án tổng thể về phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý; chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng dữ liệu lớn (*Big data*) đồng bộ, kết nối và liên thông hoàn thiện hệ thống hạ tầng cho sản xuất. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (*quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...*).

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Tuyên truyền

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đến các cấp, các ngành, doanh nghiệp, người dân nhằm thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; từ phát triển nông nghiệp theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ số lượng sang chất lượng để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Giải pháp đất đai

Quy hoạch, bố trí sử dụng đất đai đảm bảo quỹ đất phục vụ cho vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Đảm bảo cơ sở dữ liệu đất đai, giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân và các thành phần kinh tế.

Cơ cấu lại sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất linh hoạt theo kế hoạch đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thực hiện chuyển đổi linh hoạt đất trồng cây kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng chủ lực có hiệu quả kinh tế cao hơn. Chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, công nghiệp đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi. Thực hiện quy chủ quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp; rà soát, tổ chức quản lý hiệu quả đất trồng rừng sản xuất; cơ cấu lại đất trồng rừng sản xuất để dành một phần diện tích quy hoạch nhưng sử dụng không hiệu quả sang phát triển nông nghiệp. Xử lý triệt để những tồn đọng về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường, chấm dứt tình trạng các công ty nông, lâm nghiệp được giao đất, cho thuê đất nhưng không đầu tư, tổ chức sản xuất.

3. Khoa học công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực sản xuất và chế biến nông, lâm thủy sản. Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Phát huy vai trò công tác khuyến nông trong chuyển giao tiến bộ

kỹ thuật, đào tạo tập huấn cho nông dân. Áp dụng các quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và hoạt động của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn chuyên ngành, bảo đảm đủ năng lực đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Đổi mới công tác đào tạo nghề cho tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân gắn với sản xuất hàng hóa. Hình thành tư duy thị trường, năng lực tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; chú trọng kỹ năng xây dựng phương án sản xuất hiệu quả, nghiệp vụ tổ chức, quản lý, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

5. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm để mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa. Chú trọng liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, kiểm soát chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt việc dự báo, thông tin thị trường để định hướng sản xuất, tiêu thụ nông sản; nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản. Tập trung xây dựng và tổ chức quản lý chặt chẽ thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý thông qua việc cấp giấy chứng nhận, cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc.

6. Cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực

Xây dựng chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa, trong đó tập trung giải quyết vấn đề về tích tụ đất đai, cho thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, huy động nguồn vốn, hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, xúc tiến thương mại. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Điều chỉnh cơ cấu để tăng tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ, hạ tầng thương mại, đào tạo nhân lực, đảm bảo liên kết vùng, sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư liên kết trong phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Tăng cường hợp tác quốc tế, vận động, thu hút và sử dụng đúng mục tiêu, có hiệu quả nguồn vốn ODA trong phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Phối hợp với các sở ngành thực hiện việc lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia để phát triển sản xuất nông nghiệp hỗ trợ an sinh xã hội đảm bảo phù hợp mục tiêu của chương trình và điều kiện thực tiễn tại địa phương. Thực hiện có hiệu quả nguồn vốn của Trung ương, nguồn vốn sự nghiệp khoa học.

7. Quản lý, tổ chức sản xuất

Tổ chức phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị. Lấy doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác làm nòng cốt để tổ chức phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, có sản phẩm đủ lớn để phục vụ chế biến và xuất khẩu. Chú trọng việc liên kết giữa các vùng để hình thành

vùng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với xây dựng các thương hiệu, sản phẩm hàng hóa đặc hữu tại địa phương. Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các doanh nghiệp xây dựng cơ sở, nhà máy chế biến nông, lâm sản; liên kết với các hộ nông dân từ sản xuất đến thu mua, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Tiếp tục nghiên cứu, khảo nghiệm, đưa vào sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi, các sản phẩm nông sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên gắn với nhu cầu thị trường, tạo đột phá trong phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;
2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;
3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025;
4. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025.
5. Chương trình Khuyến nông tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025.
6. Kế hoạch số 1563/KH-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về triển khai Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Quảng Bình.
7. Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2030.
8. Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng cây cao su kém hiệu quả tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2025.
9. Đề án “Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lòng của tỉnh Quảng Bình”.
10. Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với trồng rừng gỗ lớn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2025.
11. Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
12. Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh về phát triển Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025.
13. Kế hoạch số 2160/KH-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.
14. Các dự án ưu tiên theo Chiến lược phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030.
15. Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030.
16. Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược.

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (*chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên*) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch. Kiểm tra, đánh giá, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho nông sản, thực phẩm của tỉnh; tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã lập, xây dựng các dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản phù hợp định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và điều kiện thực tế của địa phương.

- Rà soát các cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển nông nghiệp của Trung ương và của tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tổ chức các diễn đàn kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp lập dự án; thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt; tham mưu thẩm định nguồn vốn hỗ trợ các Chương trình, Đề án, Dự án.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế cho nông nghiệp, nông thôn. Phối rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tham mưu bố trí kinh phí cho các nội dung thực hiện của chương trình, đề án từ nguồn sự nghiệp kinh tế. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành

liên quan tổng hợp nhu cầu vốn; cân đối, đề xuất bố trí kinh phí cho triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án cụ thể.

4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tích cực vận động, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các nông sản, thực phẩm đặc trưng; xây dựng và phát triển hệ thống chợ, siêu thị tiêu thụ nông sản, thực phẩm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp về giống, quy trình canh tác, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Chủ trì hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX và các cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho nông sản, thực phẩm; hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu mang địa danh và chỉ dẫn địa lý cho các nông sản chủ lực của tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ và thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất; hướng dẫn lập báo cáo, kế hoạch bảo vệ môi trường và tăng cường công tác quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường.

- Rà soát bổ sung và tổ chức quản lý tốt quy hoạch sử dụng đất, tham mưu xây dựng các chính sách về đất đai để hỗ trợ hình thành các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các huyện, thành phố, thị xã nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng, xã thông minh. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

8. Các sở, ban ngành khác có liên quan: Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện kế hoạch; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện đảm bảo hiệu quả.

9. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Quảng Bình

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông

thôn đã ban hành; tạo cơ chế thông thoáng về hồ sơ, thủ tục vay vốn để người dân có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chương trình tín dụng cụ thể phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ theo kế hoạch.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng dự án, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phù hợp với thực tiễn địa phương mình; đồng thời chỉ đạo, giao kế hoạch cụ thể cho cấp xã tổ chức thực hiện. Chủ động bố trí ngân sách hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình và triển khai sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Chủ trì tham mưu giải pháp về giải quyết đất ở, đất sản xuất cho các hộ thực hiện bố trí sắp xếp dân cư nông thôn và phương án giải quyết các hộ đang có nhà ở trái phép trên đất nông, lâm nghiệp.

11. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình, Hội Nông dân tỉnh và các Tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội ngành hàng, hội nghề nghiệp

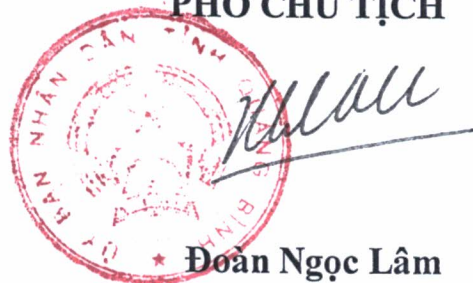
Chủ động, phối hợp với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để thực hiện các định hướng của Chiến lược và Kế hoạch này; tham gia có trách nhiệm trong công tác truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm